

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến nông sản xuất khẩu Thủy Nguyên (chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi), công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm) tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành của Công ty cổ phần Thương mại Thủy Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu Thủy Nguyên tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu Thủy Nguyên (chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi), công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa Công ty cổ phần Thương mại Thủy Nguyên tại Hội nghị thẩm định ngày 09/12/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 96/CV-TN ngày 28/12/2020 của Công ty cổ phần Thương mại Thủy Nguyên;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 19/Tr-STNMT ngày 12/01/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy Chế biến nông sản xuất khẩu Thủy Nguyên (chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi), công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Thương mại Thủy Nguyên với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thạch Thành, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Thủy Nguyên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu Thủy Nguyên (chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi), công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa của Công ty Cổ phần Thương mại Thủy Nguyên
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin dự án

- Tên dự án: Dự án Nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu Thủy Nguyên (chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi), công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm tại xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án: Công ty cổ phần Thương mại Thủy Nguyên.

+ Người đại diện: Ông Trần Huy Cường - Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ trụ sở: Số 7/72 Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

+ Số điện thoại: 0985.729.112.

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Công suất của dự án: 30.000 tấn thức ăn chăn nuôi (dạng thô)/năm.

+ Các hạng mục công trình:

Tổng diện tích khu vực thực hiện dự án: 15.876,2 m². Bao gồm các hạng mục công trình: 01 nhà xưởng (2.700 m²); 01 Nhà kho thành phẩm (2.700m²); 01 Nhà văn phòng + nhà ăn (330m²); 01 nhà nghỉ ca công nhân (450m²); khu bể ủ (1.084m²) và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường (khu xử lý nước thải, kho chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại,...) và phụ trợ khác: nhà bảo vệ, nhà để xe công nhân, kho cơ khí, ...

2. Các tác động môi trường chính của dự án (Giai đoạn hoạt động của dự án)

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt khoảng 3,3 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn khoảng 2,3 m³/ngày.đêm; nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) khoảng 2,4 m³/ngày; thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải khoảng 11,2 m³/ngày; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh công nghiệp (từ quá trình vệ sinh khu vực bể ủ nguyên liệu, bãi tập kết nguyên liệu, nước rỉ từ quá trình ủ và tập kết nguyên liệu) phát sinh khoảng 5,88 m³/ngày; thành phần chủ yếu chứa các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, rác thải khu vực có lưu lượng 2.345 m³/s.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất (quá trình bốc xúc, cắt, đảo trộn nguyên liệu); từ quá trình đốt nhiên liệu (than đá, viên gỗ...); từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm đi tiêu thụ; từ máy phát điện dự phòng,... Thành phần chủ yếu: Bụi; CO; SO₂ và NO₂.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu: Thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, ni lon,... phát sinh khoảng 50 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình sản xuất gồm sản phẩm hỏng (khoảng 500kg/ngày); xỉ than, tro (khoảng 1.635,78 kg/ngày).

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn, nhựa,... khối lượng khoảng 100 kg/năm.

- Dầu thải bảo dưỡng máy móc, thiết bị ... khối lượng khoảng 32 lít/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường (Giai đoạn hoạt động của dự án)

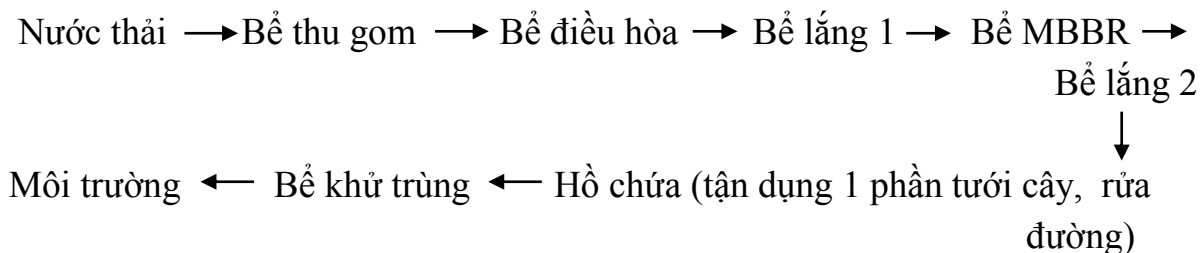
3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên mái nhà, sân đường trong khuôn viên được thu gom bằng hệ thống mương rãnh xung quanh các khu nhà, sân đường nội bộ (tổng chiều dài 850 m) → hố ga → mương tiêu thoát nước tại phía Tây dự án.

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua 03 bể tự hoại 03 ngăn (5,0 m³/bể), nước thải nhà ăn được xử lý qua 01 bể tách dầu mỡ (3,0 m³). Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ được thu gom toàn bộ về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 15 m³/ngày của Nhà máy.

- Nước rửa tay chân, tắm giặt được dẫn theo đường ống nhựa PVC Ø110 riêng biệt tới hệ thống thoát nước của nhà máy sau đó được dẫn ra mương tiêu thoát nước tại phía Tây dự án.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh công nghiệp được thu gom bằng hệ thống mương rãnh có nắp đậy (có bố trí hố ga và song chắn rác) với chiều dài 190m (kích thước: rộng 0,4m x sâu 0,6m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 15 m³/ngày của Nhà máy để xử lý. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:



Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra mương tiêu thoát nước tại phía Tây dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:
 - + Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực lò đốt cấp nhiệt phục vụ hệ thống sấy nguyên liệu: Khí thải lò đốt → Hệ thống cyclon khô → Hệ thống phun nước (có bổ sung vôi sữa) → Quạt hút khí → Ống khói 30m ra môi trường.
 - + Bụi phát sinh từ công đoạn cắt, đảo trộn, sấy nguyên liệu trong quá trình sản xuất → cyclon khô → Quạt hút khí → lò đốt.
 - + Khu vực nhà xưởng sản xuất được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng; lắp đặt hệ thống quạt gió cục bộ và thông gió trong toàn xưởng (20 quạt hút, thông gió 250W).
- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện ra, vào nhà máy: Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án phải được đóng kín thùng xe, phủ bạt để hạn chế rơi vãi; định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định; trồng cây xanh khu vực khuôn viên Nhà máy.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt:
 - + Chất thải rắn như: Com, thực phẩm thừa... được thu gom riêng và tận dụng làm thức ăn cho các ao nuôi cá hoặc chăn nuôi của người dân khu vực.
 - + Chất thải rắn có thể tái chế như: Thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp, ... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
 - + Chất thải rắn không thể tái chế được thu gom riêng vào 10 thùng có nắp đậy ($V=60$ lít/thùng) đặt tại các nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà ăn công nhân trước khi tập kết vào 02 xe đẩy tay ($V=0,5$ m³/xe) đặt tại kho chứa rác thải sinh hoạt (diện tích 25 m²); định kỳ 02 ngày/lần, Nhà máy hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Chất thải rắn sản xuất:
 - + Các sản phẩm hư hỏng, không đạt yêu cầu được sử dụng làm nguyên liệu cho lò đốt.
 - + Tro, xỉ than được thu gom hàng ngày, tập kết ra bãi chứa (diện tích khoảng 20 m²) cạnh khu vực lò đốt; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
 - + Đối với tro, bùn cặn thu hồi từ hệ thống xử lý khí thải, nước thải, định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng (thể tích 0,5 m³/thùng), có nắp đậy, dán nhãn cụ thể nhóm loại chất thải nguy hại riêng biệt. Định kỳ, hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, nhiệt độ:

- Sử dụng dây chuyền thiết bị hiện đại và đồng bộ, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất;
- Đặt máy móc thiết bị trên các bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su, đệm cát để tăng cường thêm khả năng cách ly chấn động;
- Lắp đặt hệ thống thông gió đảm bảo lưu thông không khí, thông thoáng nhà xưởng và các khu vực làm việc, sản xuất;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp tại Nhà máy; bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân của các xưởng có độ ồn cao.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố:

- Phương án phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.
- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường (Giai đoạn hoạt động của dự án).

4.1. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí ống khói lò đốt số 1, 2 trước khi thải ra môi trường
- Tiêu chuẩn so sánh:
+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các chất vô cơ.

4.2. Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N; Tổng P, Coliform.
- Vị trí giám sát: Nước thải sau bể khử trùng trước khi ra ngoài môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp./.